TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-PT
Ngày: 01/07/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Phương
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền
Bà Lê Thúy Phượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phù Thị Ngọc T, sinh năm 1976

Ông Phan Kiều D, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: xã TĐC, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Phan Kiều D. Ông D và bà T đều yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phù Thị Ngọc Đ, sinh năm 1973
Ông Võ Văn L, sinh năm 1968

Địa chỉ: phường TV, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Đều có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị I

Địa chỉ: xã TĐC, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phù Thị Ngọc Đ, ông Võ Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn trình bày:***

Bà Phù Thị Ngọc Đ và bà Phù Thị Ngọc T là chị em ruột. Vợ chồng ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T cho vợ chồng ông Võ Văn L bà Phù Thị Ngọc Đ mượn tiền nhiều lần để làm ăn. Cụ thể như sau:

- Ngày 11/6/2008, ông L, bà Đ mượn số tiền 40.000.000 đồng, hẹn đến tháng 12/2008 (âm lịch) sẽ trả hết; có viết giấy thiếu nợ ngày 11/6/2008 do ông L là người viết, bà Đ và ông L cùng ký vào giấy mượn tiền.

- Ngày 11/01/2009, ông L, bà Đ mượn số tiền 108.000.000 đồng, hẹn khi bán cá sẽ trả hết số nợ này; có viết giấy nợ đề ngày 11/01/2009, bà Đ là người viết và ký giấy nợ.

- Ngày 28/6/2016, ông L, bà Đ mượn số tiền 20.000.000 đồng để chữa bệnh cho bà Đ; nợ tiền điện nước của ông D, bà T là 41.500.000 đồng; tổng cộng 2 khoản là 61.500.000 đồng; khoản nợ này do bà T viết giấy và ông Võ Văn L ký xác nhận nợ vào ngày 28/6/2016.

Tổng cộng, ông L, bà Đ nợ ông D, bà T tổng số tiền 209.500.000 đồng. Ông D, bà T đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông L, bà Đ hứa bán đìa sẽ trả nợ, tuy nhiên cho đến nay dù đã bán đìa nhưng vẫn không trả cho ông bà.

Nay ông D, bà T yêu cầu ông L, bà Đ phải trả cho ông bà số tiền 148.000.000 đồng; gồm khoản nợ 108.000.000 đồng và khoản nợ 40.000.000 đồng; ông D, bà T xin rút yêu cầu đòi nợ ông L bà Đ đối với khoản nợ 61.500.000 đồng. Ông D bà T không yêu cầu ông L bà Đ phải trả tiền lãi suất.

Việc ông L, bà Đ cho rằng đã trả cho ông D, bà T số tiền 40.000.000 đồng theo giấy thiếu nợ ngày 11/6/2008 là không đúng. Ông L bà Đ cho rằng giấy thiếu nợ ngày 11/01/2009 không phải do bà Đ viết và ký là không đúng. Ông D khẳng định giấy thiếu nợ này là do chính tay bà Đ đã viết và ký tên.

**** Bị đơn ông Võ Văn L, bà Phù Thị Ngọc Đ trình bày:***

Ông L và bà Đ là vợ chồng. Bà Phù Thị Ngọc T là em ruột của bà Đ. Ông L xác nhận vào khoảng năm 2007 vợ chồng ông có vay tiền của vợ chồng Phan Kiều D, Phù Thị Ngọc T số tiền khoảng 40.000.000 đồng để nuôi thủy sản, có viết giấy nợ số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 11/6/2008. Nhưng sau đó vợ chồng ông L bà Đ đã trả hết số nợ 40.000.000 đồng cho bà T ông D. Tuy nhiên, do tin tưởng là chị em trong nhà nên ông đã quên không lấy lại giấy nợ nên nay bà T, ông D lại kiện đòi nợ vợ chồng ông bà.

Về số nợ 108.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 11/01/2009, ông L xác định không phải chữ viết, chữ ký của vợ chồng ông. Vợ chồng ông không nợ ông D bà T khoản nợ này.

Về số nợ 61.500.000 đồng, giấy nợ ngày 28/6/2016, ông L xác nhận ông đã viết nội dung: "*ngày 28/6/2016 Tư nợ 61.500.000 đồng sáu mốt triệu 500*".

Đây là việc ông L tính toán tiền điện, nước. Tuy nhiên, không phải nợ ông D, bà T. Ông L cũng không hiểu vì sao bà T lại có giấy nợ này.

Như vậy, ông L, bà Đ không còn nợ ông D, bà T bất kỳ khoản nợ nào, vì vậy ông L, bà Đ không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông D, bà T.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị I trình bày:***

Bà Phù Thị Ngọc Đ và bà Phù Thị Ngọc T đều là con gái của bà I. Bà có biết việc ông L, bà Điệp mượn tiền của ông D, bà T để làm ăn tổng số tiền là 209.500.000 đồng. Bà I cũng đã nhiều lần nhắc nhở ông L, bà Đ trả nợ cho vợ chồng ông D, bà T nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Kiều D, bà Phù Thị Ngọc T. Buộc bị đơn ông Võ Văn L và bà Phù Thị Ngọc Đ phải trả cho nguyên đơn ông Phan Kiều D bà Phù Thị Ngọc T số tiền 148.000.000 đồng.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

- Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 61.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/6/2021, bị đơn ông bà Võ Văn L và Phù Thị Ngọc Đ có đơn kháng cáo bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng chữ ký trong Giấy thiếu nợ ngày 11/6/2008 ký tên ông Võ Văn L và Giấy thiếu nợ ngày 11/01/2009 ký tên bà Phù Thị Ngọc Đ là giả mạo và yêu cầu giám định.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa phúc thẩm: Các mẫu chữ ký so sánh thu thập giám định tại cấp sơ thẩm thời gian cách xa nhau nên không đảm bảo tính chính xác nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để thu thập giám định lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 15/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố N xét xử vụ án Ngày 28/6/2021, bị đơn Võ Văn L và bà Phù Thị Ngọc Đ kháng cáo. Như vậy, Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định nên được xem xét theo quy định.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm cho rằng nguyên đơn làm giấy nợ chữ ký giả mạo và ký khống nhằm chiếm đoạt số tiền 148.000.000đồng của bị đơn.

- Đối với khoảng nợ 40.000.000đồng, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không thừa nhận có viết giấy nợ ngày 11/6/2008. Tuy nhiên, lời trình bày thừa nhận là có vay khoảng nợ 40.000.000đồng nhưng đã trả xong. Bị đơn thừa nhận không chứng minh được việc trả xong số nợ trên. Tại Bản tự khai (Bút lục 63) và Biên bản phiên tòa ngày 15/6/2021 (Bút lục 117 và 118) ông Võ Văn L và bà Phù Thị Ngọc Đ thừa nhận Giấy thiếu nợ ngày 11/6/2008 là do ông viết và ký.

- Đối với khoảng nợ 108.000.000đồng theo Giấy thiếu nợ ngày 11/01/2009, bị đơn không thừa nhận chữ ký và chữ viết của giấy nợ này là do bà Phù Thị Ngọc Đ viết nhận nợ. Theo Kết luận giám định số 63/GĐ-GT/2021 ngày 07/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa đã kết luận mẫu chữ viết và chữ ký so với các mẫu tờ khai làm chứng minh nhân dân từ trước đến nay và Bản tự khai của bà Đ ngày 31/8/2020 và ngày 18/9/2020 là đồng nhất, mang tính cá biệt của một người. Kết luận giám định là do một người ký ra. Việc giám định đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng nên bị đơn cho rằng chữ ký và chữ viết giả mạo, yêu cầu chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để giám định lại là không có cơ sở.

Đồng thời, các khoản nợ nêu trên bà Nguyễn Thị I (mẹ của bà T và bà Đ) cũng trình bày ý kiến về việc bà Đ có mượn tiền của bà T và chưa trả, chính bà I nhắc nhở bà Đ nhiều lần về việc trả nợ cho bà T nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị thu thập mẫu chữ ký và chữ viết để thực hiện việc giám định lại theo yêu cầu của đương sự là không cần thiết.

Từ phân tích trên, có cơ sở xác định bị đơn nợ của nguyên đơn số tiền 148.000.000đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà Đ.

[3] Về án phí dân sự: Không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phù Thị Ngọc Đ và ông Võ Văn L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phù Thị Ngọc T và ông Phan Kiều D. Buộc Bị đơn bà Phù Thị Ngọc Đ và ông Võ Văn L phải trả cho nguyên đơn số tiền 148.000.000đồng *(Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).*

Đình chỉ phần yêu cầu nguyên đơn đã rút đối với số tiền 61.500.000đồng *(Sáu mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng).*

*** Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ và ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.400.000đồng *(Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 5.237.500đồng *(Năm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015867 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đ và ông L phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0000476 ngày 05/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Như vậy, bà Đ và ông L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

*** Quy định:** Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Tp. N;
- Chi cục THADS tp N;
- Lưu: Tòa DS, VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đình Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 01 tháng 7 năm 2022

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Đình Phương**

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền

Bà Lê Thúy Phượng

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 65/2021/TLPT-DS ngày 07/10/2021 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Phù Thị Ngọc T, sinh năm 1976

Ông Phan Kiều D, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: xã TĐC, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Phan Kiều D.

* *Bị đơn:* Bà Phù Thị Ngọc Đ, sinh năm 1973

Ông Võ Văn L, sinh năm 1968

Địa chỉ: phường TV, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị I

Địa chỉ: xã TĐC, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào các tại liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng: Biểu quyết 3/3 thống nhất áp dụng các điều luật sau:

- *Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

- *Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

2. Về các vấn đề giải quyết vụ án: Biểu quyết 3/3 thống nhất:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phù Thị Ngọc Đ và ông Võ Văn L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phù Thị Ngọc T và ông Phan Kiều D. Buộc Bị đơn bà Phù Thị Ngọc Đ và ông Võ Văn L phải trả cho nguyên đơn số tiền 148.000.000đồng *(Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).*

Đình chỉ phần yêu cầu nguyên đơn đã rút đối với số tiền 61.500.000đồng *(Sáu mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng).*

3.Các vấn đề khác: Biểu quyết 3/3 thống nhất những vấn đề sau:

* **Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ và ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.400.000đồng *(Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).*

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 5.237.500đồng *(Năm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015867 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đ và ông L phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0000476 ngày 05/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Như vậy, bà Đ và ông L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

*** Quy định:** Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi .... giờ ..... cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**